**Tiết 4 §4. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này, HS cần:

- Nhận biết được số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

**2. Năng lực**

- Năng lực tính toán: Thực hiện được các phép cộng và trừ trong tập hợp số tự nhiên.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các vấn đề thực tiễn gắn liền với thực hiện các phép tính cộng, trừ.

- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.

- Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép được các thông tin toán học cần thiết.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. GV:** Đồ dùng hay hình ảnh , phiếu học tập 1,2,3, phấn màu...

**2. HS**: SGK, nháp, bút, tìm hiểu trước bài học.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Hoạt động 1: Mở đầu (3 phút)**

***a) Mục tiêu:*** HS thấy được nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ trong đời sống hằng ngày.

***b) Nội dung:*** Tìm hiểu bài toán ở đầu bài: “Mai đi chợ mua cà tím hết 18 000 đồng, cà chua hết 21 000 đồng và rau cải hết 30 000 đồng. Mai đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?”

***c) Sản phẩm:*** HS nêu được phép tính cần thực hiện.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ + GV chiếu đề bài lên màn hình.  + Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  Câu hỏi 1: Nêu cách tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng.  Câu hỏi 2: Nêu cách tính số tiền Mai được trả lại.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới | Để tính số tiền Mai phải trả cho cô bán hàng, ta phải cộng số tiền mua cà tím, số tiền mua cà chua và số tiền mua rau cải.  Để số tiền Mai được trả lại, ta lấy 100 000 đồng trừ đi số tiền Mai phải trả. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (27 phút)**

**1. Phép cộng hai số tự nhiên**

***a) Mục tiêu:*** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số hạng và tổng.

***b) Nội dung:*** *Học sinh thực hiện theo các chỉ dẫn của GV:*  Đọc hiểu và Vận dụng 1.

***c) Sản phẩm:*** Phép cộng hai số tự nhiên; Vận dụng 1.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Học sinh nghe GV nhắc lại về phép cộng hai số tự nhiên: số hạng, tổng và minh họa phép cộng nhờ tia số.  + Làm bài tập: **Vận dụng 1**. Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2019 vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính đạt 713 000 ha, giảm 14 500 ha so với vụ Thu Đông năm 2018. Hãy tính diện tích gieo trồng lúa mùa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới. | **1. Phép cộng hai số tự nhiên**  a. Cộng hai số tự nhiên  - Phép cộng hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tổng của chúng, kí hiệu là  a + b.    ***-* Vận dụng 1**:  Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là:  713 200 + 14 500 = 727 700 (ha) |

**2. Tính chất của phép cộng**

**a) *Mục tiêu:*** HS nhớ lại tính chất của phép cộng. Hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

***b) Nội dung hoạt động:*** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để khái quát tới hai tính chất cơ bản của phép cộng.

***c) Sản phẩm:*** Hai tính chất của phép cộng, Luyện tập 1.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + GV chia lớp thành 8 nhóm thực hiện **Phiếu học tập số 1.**  + GV khái quát hai tới hai tính chất của phép cộng.  + GV giới thiệu nội dung **Chú ý.**  **+** GV trình bài Ví dụ 1, hướng dẫn cho học sinh cách ghép cặp phù hợp.  + Học sinh thực hiện **Luyện tập 1** theo nhóm đôi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | **b. Tính chất của phép cộng**  **- Phiếu học tập số 1**  Câu 1:  a) a + b = 59, b + a = 59.  b) a + b = b + a.  Câu 2:  a) a + b = 55, b + a = 55.  b) a + b = b + a.  Câu 3:  a) (a + b) + c = 62, a + (b + c) = 62.  b) (a + b) + c = a + (b + c).  Câu 4:  a) (a + b) + c = 69, a + (b + c) = 69.  b) (a + b) + c = a + (b + c).  - Phép cộng số tự nhiên có các tính chất:  + giao hoán: a + b = b + a.  + kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c).  - **Luyện tập 1:**  117 + 68 + 23  = (117 + 23) + 68  = 140 + 68  = 208 |

**3. Phép trừ số tự nhiên**

**a) *Mục tiêu:*** Giúp học sinh nhớ lại khái niệm số bị trừ, số trừ và hiệu.

***b) Nội dung hoạt động:*** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện để hình thành kiến thức về cách viết tập hợp.

***c) Sản phẩm:*** Phép trừ số tự nhiên; Luyện tập 2; Vận dụng 2.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Học sinh trả lời nhanh:  Câu 1: Tính: a) 3 + 4; b) 7 – 4;  Câu 2: Biết 57 + 38 = 95. Tính 95 – 57 và 95 – 38.  + Học sinh nghe GV nhắc lại về phép trừ hai số tự nhiên: số bị trừ, số trừ, hiệu, minh họa phép trừ nhờ tia số và điều kiện để thực hiện được phép trừ trong tập hợp các số tự nhiên.  + Học sinh thực hiện **Luyện tập 2**.  + Học sinh thực hiện **Vận dụng 2**.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung,ghi vở.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.  GV: Yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. | **2. Phép trừ số tự nhiên**  - Câu 1: a) 3 + 4 = 7; b) 7 – 4 = 3;  Câu 2: 95 – 57 = 38; 95 – 38 = 57.  - Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho a = b + c thì ta có phép trừ a – b = c.  Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiện được nếu a  b.  - Luyện tập 2  865 279 – 45 027 = 820 252  - Vận dụng 2  Số tiền Mai phải trả:  18 000 + 21 000 + 30 000 = 69 000 (đồng)  Số tiền Mai được trả lại:  100 000 – 69 000 = 31 000 (đồng) |

**Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

**a*) Mục tiêu:*** Củng cố về các phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

***b) Nội dung:*** HS thực hiện: Bài 1.17, 1.18, 1.19 (SGK/16)

***c) Sản phẩm:*** Bài 1.17, 1.18, 1.19

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài 1.17**: Tính tổng, hiệu bằng cách đặt tính:  a) 63 548 + 19 256; b) 129 107 – 34 693.  **Bài 1.18:** Thay “?” bằng số thích hợp:  ? + 2 895 = 2 895 + 6 789  **Bài 1.19:** Tìm x thỏa mãn:  a) 7 + x = 362;  b) 25 – x =15;  c) x – 56 = 4.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS,củng cố. | **Bài 1.17**:  a) 63 548 b) 129 107  + 19 256 – 34 693.  82 804 94 414  **Bài 1.18:**  *6 789* + 2 895 = 2 895 + 6 789  **Bài 1.19:**  a) 7 + x = 362  x = 362 – 7  x = 355  b) 25 – x =15  x = 25 – 15  x = 10  c) x – 56 = 4  x = 4 + 56  x = 60 |

**Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a*) Mục tiêu:*** Giải quyết bài toán thực tiễn

***b) Nội dung:*** Học sinh làm bài 1.20.

***c) Sản phẩm:*** Bài tập 1.20

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Học sinh làm bài tập 1.20: Năm 2020 dân số Việt Nam ước tính khoảng 97 triệu người và dự kiến tới đầu năm 2021 sẽ tăng thêm khoảng 830 nghìn người. Ước tính dân số Việt Nam đầu năm 2021.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá kết quả của HS, HDVN | ***Bài 1.20:***  Ước tính dân số Việt Nam đầu năm 2021:  97 000 000 + 830 000  = 97 830 000 (người) |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà(2 phút)**

- Ôn tập lại kiến thức về phép tính cộng và trừ số tự nhiên.

- Làm các bài tập 1.21, 1.22 (SGK/16).

***-*** Tìm hiểu trước bài 5. ***Phép nhân và phép chia số tự nhiên***

# IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm****)*

**Phiếu học tập số 1: (Slide)**

Câu 1: Cho a = 23 và b = 36.

a) Tính a + b và b + a. b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 2: Cho a = 37 và b = 18.

a) Tính a + b và b + a. b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 3: Cho a = 17, b = 19, c = 26.

a) Tính (a + b) + c và a + (b + c). b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 4: Cho a = 11, b = 23, c = 35.

a) Tính (a + b) + c và a + (b + c). b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../...

**Tiết 7 LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 1 đến bài 5, vận dụng được các kiến thức đã học từ bài 1 – 5 vào giải bài tập.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Năng lực tự chủ và tự học: HS tự nghiên cứu và làm bài tập trong SGK

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng làm việc, thảo luận nhóm, cặp đôi.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có thể đề xuất bài toán mới từ bài toán ban đầu.

**- Năng lực toán học:**

+ Sử dụng các ngôn ngữ, kí hiệu toán học vào trình bày lời giải bài tập.

+ Vận dụng kiến thức về tập hợp; các phép tính với số tự nhiên để giải bài tập, vào cuộc sống. Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( 4 màu xanh hoặc đen và 1 màu đỏ)

**2 - HS** :- SGK; đồ dùng học tập; giấy A1 theo tổ.

- Ôn tập kiến thức từ bài 1 đến bài 5.

- Nghiên cứu và làm bài tập về tập hợp và về các phép tính với số tự nhiên.

- Nghiên cứu để đề xuất các câu hỏi mới cho mỗi bài toán.

**III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**HS nêu lại được các kiến thức cơ bản từ Bài 1 -> bài 5.

**b) Hoạt động của học sinh:** Học sinh phát biểu lại được các kiến thức đã được học.

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức cơ bản từ bài 1 ->bài 5.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động, trình bày vào giấy A1 đã chuẩn bị và hoàn thành theo yêu cầu như sau: HĐN 5p

+ Nhóm 1 và nhóm 3 : Hai cách mô tả một tập hợp và ví dụ; nội dung kiến thức phép cộng, phép nhân và các tính chất.

+ Nhóm 2 và nhóm 4: Tập hợp số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên trong hệ thập phân.

**- Học sinh thực hiện nhiệm vụ:** HSthảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm treo phần bài làm của mình ( tại vị trí phân công trong lớp – kĩ thuật phòng tranh). Đại diện lần lượt nhóm 1, 3 báo cáo. Các nhóm còn lại thảo luận, chia sẻ, bổ xung thông tin.

**- Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, chốt kiến thức (chiếu lên máy chiếu hoặc bảng phụ tổng hợp kiến thức). Trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**2.HOẠT ĐỘNG 2**: **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để giải bài tập về tập hợp số; bài toán vận dụng các phép tính, toán vận dụng vào thực tế.

- Học sinh bước đầu biết đề xuất bài toán đơn giản, tương tự.

**b) Nội dung:** HS làm bài tập 1.31;1.32;1.33;1.34; 1.35 ( sgk) và thực hiện các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

**c) Sản phẩm:** Học sinh trình bày lời giải các bài tập và trả lời đuọc các câu hỏi của giáo viên ( Ở cột sản phẩm cần đạt)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 1; chữa bài tập **1.31** ; **1.32** ; **1.33** đã đc giao về nhà làm từ các buổi trước.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS HĐ cặp đôi nghiên cứu VD và làm các bài tập.  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - Đại diện một số cặp đôi báo cáo kết quả.  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  ***\* Kết luận, nhận định***  - GV chốt lại kết quả cuối cùng, yêu cầu HS xác định kiến thức đã áp dụng.  - GV YCHS đưa ra bài tập tương tự với các bài vừa chữa. Yêu cầu về nhà thực hiện  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 2,3 ( đã giao về nhà) chữa bài tập **1.34;**  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu VD  - Làm bài 1.34  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - GV cho HS thảo luận tìm hiểu đại lượng đã biết, đại lượng chưa biết, phương án giải bài tập.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng.  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS chữa bài tập **1.35**  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Làm bài 1.35  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - GV cho HS thảo luận phân tích tổng sản lượng 115 số điện theo bậc thang quy định; tìm phương án giải bài tập.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng  - Đưa ra bài tập được suy ra từ bài 1.35.  **\* Giáo viên tổng kết:**  - Chốt lại kiến thức trọng tâm đã học từ bài 1 đến bài 5.  - Lưu ý những sai làm dễ mắc phải khi giải từng dạng bài tập.  - Nhấn mạnh việc học sinh dần làm quen với khai thác, mở rộng bài tập đơn giản. | 1. Bài tập về tập hợp  **Bài 1.31 :**  a) C1­: A = { 4; 5; 6; 7}  C2: A = {x  N| 3 < x  7}  b) B = { x  N| x < 10, x  A} = { 0; 1; 2; 3; 8; 9}  **Bài 1.32 :**  a) 1000  b) 1023  c) 2046  d) 1357  **Bài 1.33:** Chữ số 0  \* Bài tập tương tự:  **2. Bài tập vận dụng các phép toán với số tự nhiên**  **Bài 1.34**:  ***Giải :***  Khối lượng của 30 bao gạo là :  50  30 = 1500 ( kg)  Khối lượng của 40 bao ngô là :  60  40 = 2400 (kg)  Ô tô chở tất cả số kilogam gạo và ngô là :  1500 + 2400 = 3900(kg)  Đáp số : 3900kg.  **Bài 1.35 :** Có 115 = 50 + 50 + 15  Ông Khánh phải trả số tiền điện cho 115 số điện là :  50  1 678 + 50  1 734 + 15  2 014 = 200 810 ( đồng)  Đáp số : 200 810 đồng.  \* Hãy về tính lại số tiền điện nhà em vừa phải trả trong tháng 8. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm )*

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ bài 1 - 5

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp : Hãy về tính lại số tiền điện nhà em vừa phải trả trong tháng 8.

- Chuẩn bị bài mới “ **Lũy thừa với số mũ tự nhiên**”.